

Bản án số: 05/2025/HS-PT

Ngày: 22-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Ông Trương Anh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Việt H và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Vũ Việt H, sinh ngày 04/7/1986, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Số nhà 42/2Z, phường V1, quận V2, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Kinh doanh (Nơi làm việc: Trung tâm Kỹ thuật – An toàn và tiêu chuẩn X, chi nhánh Công ty Cổ phần chứng nhận & Giám định Quốc tế P2); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Vũ Thị Thu Tr, sinh năm 1987 (đã ly hôn năm 2021) và có 01 người con, sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2024 cho đến nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Đỗ Quang T, sinh ngày 22/4/1979, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Số nhà 19/26Z1, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Kinh doanh (Nơi làm việc: Trung tâm Kỹ thuật – An toàn và tiêu chuẩn X); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang Ch1, sinh năm 1934 và con bà Ngô Thị Mai H2, sinh năm 1938 (đã chết); bị cáo có vợ là Trần Thị Vân A0, sinh năm 1979 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt

vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/7/2024 cho đến nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị cáo không kháng cáo:*

1. Trịnh Tuấn D, sinh ngày 15/12/1979, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 350/1/2Z2, phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh (Nơi làm việc: Trung tâm Kỹ thuật – An toàn và tiêu chuẩn X); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1958 và con bà Lê Thị L2, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1982 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/7/2024 cho đến nay (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Trần Văn Đ, sinh ngày 12/10/1987, tại tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKKHKT: Thôn Y1 xã Y2, huyện S, thành phố Hà Nội; Chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C2, xã U, huyện Q, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Kỹ sư địa chất (Nơi làm việc: Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ W); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Dân K, sinh năm 1953 và con bà Phan Thị I, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Đàm Thị O, sinh năm 1986 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến ngày 29/02/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Nguyễn Việt D1, sinh ngày 12/10/1986, tại huyện M4, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Đội 2, thôn G1, xã H3, huyện M4, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh (Nơi làm việc: Công ty Cổ phần huấn luyện kiểm định an toàn công nghiệp I1 (I1); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn I2, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị I3, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Đoàn Thị H4, sinh năm 1986 (Đã ly hôn tháng 8/2023) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/7/2024 cho đến nay (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang T*: Bà Lê Thúy Q1, Luật sư Công ty Luật TNHH K1. Địa chỉ: Số 6, ngõ 26, phường C4, quận K3, thành phố Hải Phòng (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2019, Trịnh Tuấn D, Đỗ Quang T và Vũ Việt H gặp nhau tại thành phố Hồ Chí Minh để bàn bạc cùng góp vốn thành lập Công ty cổ phần chứng nhận & Giám định P2, hoạt động trong lĩnh vực đào tạo cấp chứng nhận ISO. Sau đó, Trịnh Tuấn D nhờ em vợ là Nguyễn Thị Trà M8 đứng tên là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 20/02/2020, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty Cổ phần Chứng nhận & Giám định Quốc tế P2 (viết tắt là Công ty P2). Đăng ký hoạt động chính tại số Số 350/1/2Z2, phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Trà M8, Tổng giám đốc là Trịnh Tuấn D, Phó giám đốc là Vũ Việt H.

Công ty P2 thành lập 04 chi nhánh trong đó có 01 Chi nhánh là Trung tâm Kỹ thuật - An toàn và Tiêu chuẩn X (viết tắt là Trung tâm X), được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (viết tắt là ATVSLĐ), vào ngày 24/12/2020. Trung tâm X có địa chỉ tại số Số 350/1/2Z2, phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, do Trịnh Tuấn D làm Giám đốc, Vũ Việt H và Đỗ Quang T làm Phó giám đốc. Để mở rộng phạm vi hoạt động của Trung tâm X, D, H, T thống nhất việc H và T sẽ thực hiện việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động tại miền Bắc. H và T đều có nhiệm vụ và quyền hạn: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hoạt động đào tạo, huấn luyện an toàn tại khu vực miền Bắc; Kiểm soát việc in cấp phôi cho học viên; Kiểm soát các chi phí thu chi của khu vực miền Bắc, được thừa quyền của giám đốc để ký hợp đồng với khách hàng, ký chứng nhận cho học viên và quyết định đào tạo; Kiểm soát hoạt động đảm bảo đúng quy định của pháp luật. H và T chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động liên hệ khách hàng, ký hợp đồng đào tạo, cấp Quyết định công nhận kết quả huấn luyện, thẻ an toàn lao động (viết tắt là ATLĐ), trả công, trả lương cho nhân viên Trung tâm X tại khu vực miền Bắc. Còn việc quản lý Trung tâm X trong thành phố Hồ Chí Minh, do Trịnh Tuấn D chịu trách nhiệm. Tại miền Bắc, H và T tìm kiếm khách hàng ở khu vực miền Bắc rồi tiến hành ký kết hợp đồng, mở lớp và cử giảng viên tiến hành huấn luyện ATVSLĐ, kết thúc huấn luyện tiến hành kiểm tra nếu đạt chất lượng thì Trung tâm sẽ cấp Quyết định công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ, thẻ ATLĐ cho các học viên theo đúng quy định rồi báo cáo cho D. Để thuận tiện cho công việc, Trịnh Tuấn D đã làm 02 con dấu, một con dấu để tại trụ sở Trung tâm X ở thành phố Hồ Chí Minh và một con dấu D gửi ra Hà Nội cho H vào khoảng tháng 02/2021 để H quản lý và sử dụng. Các hợp đồng H đại diện Trung tâm X ký kết với khách hàng sẽ gửi một bản về trụ sở Trung tâm X cho Trịnh Tuấn D nắm, sau đó H tự chủ động tổ chức thuê giảng viên huấn luyện theo hợp đồng đã ký. Về phôi thẻ, theo mẫu chung tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, nên D đã thuê người thiết kế và thuê đơn vị in ấn các mẫu phôi thẻ, Giấy chứng nhận.

Trong 01 đến 02 tháng đầu sau hoạt động, Trịnh Tuấn D có chuyển một ít mẫu phôi thẻ, Giấy chứng nhận từ thành phố Hồ Chí Minh ra cho T, để T gửi

cho H. Sau đó D có gửi mẫu phôi thẻ ATLĐ, Giấy chứng nhận bản mềm cho H và T, để H, T tự in phôi thẻ, Giấy chứng nhận còn D không gửi thẻ ATLĐ và Giấy chứng nhận ra cho T nữa.

Sau một thời gian Trung tâm X hoạt động, đến khoảng tháng 02/2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 không thể tiến hành đào tạo tập trung được và có một số khách hàng đã liên hệ với D hỏi về việc có nhu cầu muốn cấp nhanh Quyết định công nhận kết quả huấn luyện, thẻ ATLĐ cho người lao động. D nghĩ có thể cấp nhanh trước và đào tạo sau nên đã gọi điện thoại trao đổi với H và T nếu khách hàng muốn cấp nhanh không qua đào tạo, huấn luyện thì sẽ cấp nhanh các Quyết định, thẻ ATVSLĐ hoặc sẽ đào tạo sau, mức giá cấp nhanh sẽ tùy theo mối quan hệ với khách hàng. Do T ở ngoài Bắc làm việc cùng H nên T nhận phụ trách quản lý phôi thẻ, kiểm soát phôi thẻ, giấy trắng có chữ ký sẵn dùng để in Quyết định.

Do T không ký các Quyết định, thẻ ATLĐ và để kiểm soát hoạt động của Trung tâm X, nên khoảng tháng 3/2021, T và Trịnh Tuấn D đã thống nhất tìm thêm một người để ký các Quyết định, thẻ ATLĐ của Trung tâm X tại khu vực miền Bắc. Sau đó Trịnh Tuấn D đã bổ nhiệm Trần Tiến D2, trú tại số 1/41 E, phường Y, quận Lê C1, thành phố Hải Phòng làm Phó giám đốc Trung tâm X, từ tháng 4/2021. T trao đổi với Trần Tiến D2 là cứ ký vào những tờ giấy, thẻ chưa có nội dung, việc đào tạo Trung tâm sẽ làm, hàng tháng T trả lương cho Trần Tiến D2 là 5.000.000 đồng, từ khoản tiền do H đưa. T hướng dẫn Trần Tiến D2 ký tên vào tờ giấy trắng (Việc ký các Quyết định được D2 thực hiện tại phường Y, quận Lê C1, thành phố Hải Phòng), sau đó chuyển lên Hà Nội cho H để H soạn thảo in Quyết định công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ và thẻ, giấy chứng nhận huấn luyện. Còn H sẽ liên kết tìm kiếm khách hàng có nhu cầu tập huấn ATLĐ, ký hợp đồng và soạn thảo, in Quyết định công nhận kết quả huấn luyện và thẻ ATLĐ, giấy chứng nhận huấn luyện. Đồng thời H cũng trao đổi với Trịnh Tuấn D để xuất hóa đơn cho khách hàng, báo cáo số lượng khách hàng, số phôi giấy, thẻ ATLĐ đã cấp cho khách hàng và chi phí thanh toán của khách.

Trịnh Tuấn D yêu cầu T và H phải báo lại đầy đủ những khách hàng đã liên hệ cấp thẻ, dù có qua huấn luyện theo đúng quy định hay không qua huấn luyện để D cân đối việc thu chi. Nếu cấp không thẻ ATLĐ cho khách hàng mà có yêu cầu xuất hóa đơn thì phải chuyển tiền về công ty, nếu khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn thì phải báo cáo số lượng thẻ ATLĐ đã cấp, chi phí thu được để Trịnh Tuấn D nắm. T là người gọi điện thoại trao đổi với Trịnh Tuấn D về hoạt động của Trung tâm X ngoài Bắc. H và T thống nhất thỏa thuận giá cho việc cấp nhanh các Quyết định là 60.000 - 80.000 đồng/01 người lao động thuộc nhóm 3; từ 80.000 - 100.000 đồng/01 người lao động thuộc nhóm 1, 2, 5, 6; khoảng 60.000 đồng/01 người lao động thuộc nhóm 4. T có yêu cầu H báo cáo cho T số lượng phôi thẻ đã cấp cho khách hàng, số tiền thu được qua zalo cho T để T nắm hàng ngày và tổng hợp báo cáo chung hàng tháng.

Về thoả thuận chia tiền doanh thu, Trịnh Tuấn D, Vũ Việt H và Đỗ Quang T ban đầu chưa thống nhất, nhưng trong quá trình hoạt động, mọi khoản thu được từ Trung tâm X phía Bắc, H đều chuyển khoản cho D vào tài khoản cá nhân hoặc khách chuyển khoản trực tiếp cho D. Tuy nhiên quá trình hoạt động, do H và T duy trì tại phía Bắc cần phải có chi phí và ba người đều là cổ đông của công ty nên đã thống nhất lại là các khoản thu lớn hơn kho 20.000.000 đồng hoặc phải xuất hoá đơn thì phải chuyển khoản qua tài khoản công ty cho D, còn lại những khoản dưới 20.000.000 đồng hoặc không xuất hoá đơn thì H thu trực tiếp nhưng phải báo cáo lại với D để D nắm được. Các khoản thu trực tiếp, H và T lập danh sách đối chiếu với nhau hàng tháng để tính lương của hai người và số người thuê làm trong quá trình hoạt động, số còn lại giữ làm quỹ chung để chi phí. Lương của Đỗ Quang T tại Trung tâm X do H chi trả, đối với lương của Trần Tiến D2 do H đưa cho T và T trực tiếp trả cho D. Mọi hoạt động của Trung tâm X, H và T không trao đổi với Trần Tiến D2.

Trong quá trình Trung tâm X hoạt động, ngoài việc tổ chức huấn luyện để cấp Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ theo đúng quy định, thì trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021, Vũ Việt H, Đỗ Quang T và Trịnh Tuấn D không tổ chức mở lớp huấn luyện ATVSLĐ cho công nhân theo đúng quy định, mà đã cấp không 01 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ cho Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 và khoảng tháng 8/2021 đến tháng 3/2022, Vũ Việt H, Đỗ Quang T đã cấp không các Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ W, cụ thể như sau:

- Việc cấp không Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ cho Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1:

Khoảng đầu tháng 4/2021, Vũ Việt H nhận được thông tin từ nhân viên môi giới liên kết với Trung tâm X (không nhớ là ai, tên tuổi, địa chỉ) về việc phía Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị Kỹ thuật S1 (viết tắt là Công ty Nội thất S1), địa chỉ tại số 9, ngõ 95J, phường Trung K2, quận Đống Đ0, thành phố Hà Nội có nhu cầu huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động của Công ty. Hai bên thống nhất chi phí đào tạo, huấn luyện là 4.000.000 đồng. Sau đó H trao đổi lại là do tình hình dịch Covid-19 không mở lớp được nên Trung tâm X sẽ cấp nhanh Quyết định công nhận kết quả huấn luyện và thẻ ATLĐ cho Công ty Nội thất Hà Nội trước, sau đó đào tạo sau. Bùi Thị Thu N là nhân viên hành chính của Công ty Nội thất S1 đồng ý. Qua trao đổi, nhân viên môi giới của Trung tâm X yêu cầu N cung cấp thông tin, vị trí việc làm của người lao động cần huấn luyện. N đã chụp ảnh căn cước công dân và thông tin công việc của 20 người lao động gửi cho người môi giới, gồm: Vũ Văn H7, Vũ Văn Đ6, Phạm Văn L6, Nguyễn Văn Ch5, Nông Đình S2, Hoàng Văn T7, Đoàn Văn T8, Đỗ Văn B5, Phạm Tiến Đ7, Nguyễn Cảnh D5, Nguyễn Thị Minh S4, Nguyễn Thị H8, Phùng Thị G2, Nguyễn Hoàng Ch6, Lê Văn Đ9, Lưu Quang V, Nguyễn Trường G0, Lê Văn M3, Nguyễn Anh T9, Nguyễn Thị D8, đều là công nhân thuộc nhóm 3. Sau khi H nhận được thông tin người lao động của Công ty Nội thất S1, do thời gian này H chưa có nhân viên làm việc nên H đã trực tiếp soạn thảo Hợp đồng kinh tế

về việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 0405/2021/HĐDV/NTKTHN-TT8 giữa Công ty Nội thất S1 và Trung tâm X cùng 01 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện cho các học viên tham dự khoá huấn luyện ATVSLĐ số 964/QĐ-TC8-HN ngày 12/04/2021 và 20 thẻ ATLĐ theo danh sách Công ty Nội thất S1 cung cấp tại phòng trọ của H ở phường J1, quận X1, thành phố Hà Nội. H sử dụng 01 tờ giấy A4 trắng có sẵn chữ ký của Trần Tiến D2 (do Đỗ Quang T đưa) để in ra rồi đóng dấu của Trung tâm X. Còn 20 thẻ ATLĐ lao động H tự nhập thông tin trên máy tính rồi dùng máy in màu in ra. Sau khi hoàn thiện thủ tục, H in ra 02 bản Hợp đồng và ký tên, đóng dấu của Trung tâm X, rồi gộp cùng 01 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện và 20 thẻ ATLĐ gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ Công ty Nội thất S1. Sau khi nhận được Quyết định và thẻ, Bùi Thị Thu N yêu cầu xuất hóa đơn điện tử, H đã trao đổi lại nội dung hợp đồng, thông tin Công ty Nội thất S1, mã số thuế và việc cấp không 01 Quyết định, 20 thẻ ATLĐ với giá 4.000.000 đồng cho Trịnh Tuấn D biết để D xuất hóa đơn điện tử. Sau khi nhận được thông tin từ H, D đã xuất hóa đơn điện tử số 0000032 ngày 21/6/2021 cho Công ty Nội thất S1, rồi chuyển lại cho H để H chuyển cho Công ty Nội thất S1. Đến ngày 02/7/2021, Công ty Nội thất S1 chuyển khoản số tiền 4.000.000 đồng từ tài khoản Công ty với nội dung “thanh toán khóa học ATVSLĐ, theo hóa đơn số 0000032” đến tài khoản ngân hàng Agribank của Công ty CP Chứng nhận & giám định Quốc tế P2 do Trịnh Tuấn D quản lý. Sau khi nhận được số tiền 4.000.000 đồng, D đã sử dụng cho hoạt động chung của Công ty.

- Việc cấp không các Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ W:

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ W (viết tắt là Công ty W) có trụ sở tại số 326, tổ dân phố 2, phường M5, thành phố Q3, tỉnh Điện Biên do Trần Đăng N1 là Tổng giám đốc, Trần Văn N4 là Giám đốc điều hành. Tháng 11/2020, Trần Văn Đ ký hợp đồng lao động với Công ty W. Ngày 03/12/2020, Trần Đăng N1 ký Quyết định bổ nhiệm Đ làm Giám đốc điều hành mở. Ngày 02/01/2021, ông N1 ký Quyết định số 15/QĐ-HA về việc phân công nhiệm vụ cho Giám đốc điều hành mở, trong đó Đ được phân công chịu trách nhiệm quản lý an toàn vệ sinh lao động tại khu vực mỏ đá R, của Công ty W ở Bản C2, xã U, huyện Q, tỉnh Điện Biên. Ông N1 đã ủy quyền cho Trần Văn Đ, theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-HA ngày 02/01/2021 với nội dung: Thay mặt ông N1 ký kết hợp đồng lao động vào làm việc trực tiếp tại mỏ đá R; Đại diện Công ty làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra; Giao dịch công việc có liên quan với các cơ quan, đơn vị liên quan; Lập báo cáo định kỳ, báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan liên quan; Ký, giải quyết các công việc trong quá trình thanh tra, kiểm tra của các cơ quan ban ngành thuộc lĩnh vực khai thác mỏ đá R.

Năm 2020, Đ quen biết với Nguyễn Việt D1 qua trò chơi điện tử. Khoảng tháng 8/2021, Đ gọi điện hỏi D1 có biết đơn vị nào cấp thẻ ATVSLĐ không thì liên hệ giúp Đ. D1 đã liên lạc với Trần Thị Hoài Th3, trú tại P207 A8b, phường B3, quận X1, thành phố Hà Nội là người quen làm trong lĩnh vực bảo hiểm đề nhờ Th3 liên hệ giúp. Th3 đã liên hệ với Vũ Việt H thì được H trao đổi về các

hình thức đào tạo online, đào tạo trực tiếp hoặc có thể cấp nhanh mà không qua đào tạo. Sau đó Th3 trao đổi lại với D1 về các hình thức đào tạo, D1 báo lại với Đ thì Đ nói do dịch Covid không tổ chức huấn luyện được, nếu mời giảng viên lên mở lớp thì chi phí cao, Đ muốn đảm bảo hồ sơ an toàn lao động để đưa công nhân vào làm việc và nếu có đoàn thanh tra, kiểm tra thì Đ xuất trình cho đoàn thanh tra và bảo D1 giúp cho hình thức cấp nhanh không qua đào tạo, D1 đồng ý giúp để Đ đưa công nhân vào làm việc và đối phó với đoàn thanh tra, nhưng không có mục đích hưởng lợi, D1 báo giá cho mỗi thẻ ATLĐ là khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Sau đó Đ gửi thông tin của 03 người lao động thuộc nhóm 3 của Công ty W qua ứng dụng Zalo cho D1 gồm Vàng Văn N0, Vàng Văn O và Trương Ngọc T5. D1 nhận và gửi lại cho Th3. Sau đó, Th3 gửi cho H thông tin mà Nguyễn Việt D1 gửi. Do số lượng người lao động ít, H không thể mở được lớp nên H đã trực tiếp soạn thảo và in 02 Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 1504/QĐ-TC8-HN và số 1780/QĐ-TC8-HN ngày 09/7/2021 cho 03 người lao động và 03 thẻ ATLĐ cho Công ty W, rồi sử dụng tờ giấy trắng có chữ ký của Trần Tiến D2 do T gửi để in Quyết định. Sau đó, H gửi Quyết định cùng thẻ lại cho Th3 để chuyển cho D1 và D1 đã chuyển phát về địa chỉ Công ty W cho Đ. Khi nhận được 02 Quyết định cùng 03 thẻ ATLĐ, Đ phát hiện nghề nghiệp của Trương Ngọc T5 tại Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 1780/QĐ-TC8-HN ngày 09/7/2021 bị sai, nên báo D1 để làm lại, đồng thời thêm tên 01 công nhân là Nguyễn Trọng Đ2 vào trong Quyết định. D1 gửi thông tin qua cho Th3. Sau đó Th3 tiếp tục gửi thêm thông tin của Nguyễn Trọng Đ2 để H chỉnh sửa thông tin nghề nghiệp của Trương Ngọc T5. H tiếp tục soạn thảo 01 Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ số 2114/QĐ-TC8-HN cấp cho 02 người lao động là Trương Ngọc T3 và Nguyễn Trọng Đ2 của Công ty W. Sau đó H gửi Quyết định và thẻ ATLĐ cho Th3 để gửi cho D1, rồi D1 lại gửi cho Đ. Sau khi cấp không 03 Quyết định công nhận kết quả và 05 thẻ ATLĐ cho Công ty W, H báo lại số lượng phôi thẻ cho T nắm và cuối tháng sẽ gửi báo cáo tổng số phôi thẻ, doanh thu, công nợ. Vì không xuất hóa đơn cho Công ty W, nên H không báo cho Trịnh Tuấn D biết và T cũng không trao đổi để D nắm.

Tháng 01/2022, Đ tiếp tục gửi thông tin của 02 công nhân gồm Và Văn L5 và Lương Văn Đ8 (thuộc nhóm 3) cho Nguyễn Việt D1 để cấp nhanh Quyết định và thẻ ATLĐ như lần trước. D1 gửi thông tin cho Th3 và Th3 tiếp tục cung cấp cho H thông tin của 02 công nhân của Công ty W. Cũng như phương thức trên, H đã tự soạn thảo và in 01 Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ số 3233/QĐ-TC8-HN ngày 25/01/2022 cùng 02 Thẻ ATLĐ cho Th3 để Th3 gửi cho Nguyễn Việt D1.

Tháng 3/2022, Đ gửi thông tin của 11 công nhân công ty W (thuộc nhóm 3) gồm: Tòng Văn Ch9, Tòng Văn H6, Lò Văn Th5, Lò Văn Th6, Lò Văn V1, Quảng Văn K3, Bùi Thanh H9, Nguyễn Quang A10, Tòng Thị Th7, Ly A P, Giàng Chỉ N3 cho D1 để tiếp tục nhờ D1 liên hệ làm Quyết định và thẻ ATLĐ.

D1 tiếp tục gửi thông tin cho Th3. Thông qua thông tin công nhân, nghề nghiệp Th3 gửi, H đã tự soạn thảo và in 05 Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 3492, 3493, 3494, 3495, 3496/QĐ-TC8-HN đề ngày 18/3/2022, cùng 11 Thẻ ATLĐ gửi cho Th3 để gửi cho D1 và D1 đã gửi cho Đ. Sau khi làm và cấp không 06 Quyết định công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ cho Công ty W, H có thông báo lại số lượng phôi thẻ đã cấp cho T trong báo cáo tổng hợp hàng tháng. Nhưng thời gian này T không báo cáo cho Trịnh Tuấn D nắm và Công ty W không yêu cầu xuất hóa đơn điện tử nên H cũng không trao đổi cho D biết về việc H đã làm và cấp không 06 Quyết định, 13 thẻ ATLĐ cho Công ty W. Quá trình mua các Quyết định, thẻ ATLĐ, Đ chưa trả tiền cho Nguyễn Việt D1 vì nhiều lần Đ xin số tài khoản để chuyển tiền cho D1 nhưng D1 bảo khi nào gặp nhau ở Hà Nội thì đưa, thời gian sau Đ không liên lạc được với D1. Th3 và H cũng không nhớ cụ thể đã trả cho nhau bao nhiêu tiền đối với các Quyết định, thẻ ATLĐ cấp không cho Công ty W.

Sau khi mua được các Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ, Trần Văn Đ đã 02 lần sử dụng giấy tờ giả trên để thực hiện hành vi trái pháp luật, cụ thể:

Tháng 6/2022, Đoàn thanh tra của Hội đồng an toàn vệ sinh lao động tỉnh Điện Biên tiến hành thanh tra công tác chấp hành pháp luật ATVSLĐ tại mỏ đá R của Công ty W, Bản C2, xã U, huyện Q, tỉnh Điện Biên. Ngày 17/6/2022, tại mỏ đá R, Trần Văn Đ đã sử dụng các Quyết định, thẻ ATLĐ giả để cung cấp cho Đoàn thanh tra nhằm qua mặt đoàn thanh tra, tránh bị phát hiện vi phạm và đã qua mặt được đoàn thanh tra.

Ngày 12/7/2023, tại mỏ đá R của Công ty W ở Bản C2, xã U, huyện Q, tỉnh Điện Biên xảy ra vụ tai nạn lao động làm công nhân Bùi Thanh H9 tử vong. Ngày 15/10/2023 khi làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Trần Văn Đ đã cung cấp Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động giả đối với Bùi Thanh H9 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q để đối phó với Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 77/KLGĐTT-TTPY và Kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số 34/KLMBH-TTPY ngày 26/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên kết luận: Nguyên nhân chết của Bùi Thanh H9 là do: Suy hô hấp, phù phổi cấp (Ngạt do vùi lấp). Thời gian chết của Bùi Thanh H9 tính đến thời điểm khám nghiệm là dưới 24 giờ.

Tại Bản kết luận kiểm tra giám định số 21/2023/CVGD/VESC ngày 04/8/2023 của Công ty Chứng nhận và kiểm định an toàn thiết bị Việt Nam, kết luận: “Máy đào bánh xích ở thời điểm hiện tại: Thiết bị đã bị hư hỏng một phần và không hoạt động được nên không thể đánh giá được sự an toàn của máy ở thời điểm hiện tại. Do vậy không đủ cơ sở đánh giá Người điều khiển máy đào bánh xích trên, khi điều khiển thực hiện đúng quy trình theo quy định của các văn bản của pháp luật có thể gây tai nạn chết người hay không”..

Tại Bản kết luận giám định số: 353/KL-KTHS ngày 03/01/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:

- Chữ ký đứng tên Trần Tiến D2: dưới mục “NGƯỜI LAO ĐỘNG” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A1 (01 (Một) hợp đồng lao động số 03/2021/HDLĐ/TT8, đề ngày 30/5/2021); dưới mục “PHÓ GIÁM ĐỐC” trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu A6, A7 và từ A9 đến A13 (01 (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc mở lớp đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động số 1102/2022/ML/QĐ-TC8-HN, đề ngày 19/01/2022, ký hiệu A6; 01 (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc mở lớp đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động” số 1103/2022/ML/QĐ-TC8-HN, đề ngày 11/3/2022, ký hiệu A7;

- 01 (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” số 3492/QĐ-TC8-HN, đề ngày 18/3/2022, ký hiệu A9; 01 (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” số 3493/QĐ-TC8-HN, đề ngày 18/3/2022, ký hiệu A10; 01 (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” số 3494/QĐ-TC8-HN, đề ngày 18/3/2022, ký hiệu A11; (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” số 3495/QĐ-TC8-HN, đề ngày 18/3/2022, ký hiệu A12; 01 (Một) “QUYẾT ĐỊNH về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” số 3496/QĐ-TC8-HN, đề ngày 18/3/2022, ký hiệu A13) với chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M3 (01 (Một) “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” về nội dung: Thu thập mẫu chữ ký của Trần Tiến D2, đề ngày 01/01/2024) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Vũ Việt H dưới mục “PHÓ GIÁM ĐỐC” trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A2 đến A5 (01 (Một) “HỢP ĐỒNG HUẤN LUYỆN an toàn lao động - vệ sinh lao động” số 1401/2022/HDLĐ-TT8-W, đề ngày 14/01/2022; 01 (Một) “HỢP ĐỒNG HUẤN LUYỆN an toàn lao động - vệ sinh lao động” số 1003/2022/HDLĐ-TT8-W, đề ngày 10/3/2022; 01 (Một) “BIÊN BẢN BÀN GIAO” đề ngày 25/01/2022; 01 (Một) “BIÊN BẢN BÀN GIAO” đề ngày 18/3/2022) với chữ ký đứng tên Vũ Việt H trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M2 (01 (Một) “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” về nội dung: Thu thập mẫu chữ ký của Vũ Việt H, đề ngày 01/01/2024) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Văn N4 dưới mục “GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH” trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu A2 đến A5 với chữ ký đứng tên Trần Văn N4 trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M4 (01 (Một) “BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI” đối với Trần Văn N4, đề ngày 12/9/2023) là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu đỏ dưới mục “NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A1 (01 hợp đồng lao động số 03/2021/HDLĐ/TT8, đề ngày 30/5/2021) với các hình dấu đề của Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1 (01 “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” về

nội dung: Xác minh, thu thập chữ ký, con dấu của Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X, đề ngày 26/12/2023) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trịnh Tuấn D dưới mục “NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG” trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu A1 (01 hợp đồng lao động số 03/2021/HĐLD/TT8, đề ngày 30/5/2021) với chữ ký đứng tên Trịnh Tuấn D trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1 (01 “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” về nội dung: Xác minh, thu thập chữ ký, con dấu của Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X, đề ngày 26/12/2023) có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A8 (01 “QUYẾT ĐỊNH về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” số 3233/QĐ-TC8- HN, đề ngày 25/01/2022) với chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M3 (01 “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” về nội dung: Thu thập mẫu chữ ký của Trần Tiến D2, đề ngày 01/01/2024) có phải do cùng một người ký ra không.

Tại Kết luận giám định số 193/KL-KTHS ngày 09/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:

Các hình dấu đỏ dưới mục “KT GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC” trên các tài liệu cần giám định (Quyết định số 3492, 3493, 3494, 3495, 3496, đề ngày 18/3/2022; Quyết định số 1504, đề ngày 09/7/2021; Quyết định số 3233 đề ngày 25/01/2022; Quyết định số 1780, đề ngày 09/7/2021 và Quyết định số 2114, đề 29/9/2021 về việc Công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động) với hình dấu đóng ra từ con dấu mẫu so sánh (Con dấu tròn, nhãn hiệu Shiny S-538, in nội dung “TRUNG TÂM KỸ THUẬT - AN TOÀN & TIÊU CHUẨN X”), là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên các tài liệu cần giám định (Quyết định số 3492, 3493, 3494, 3495, 3496, đề ngày 18/3/2022; Quyết định số 1504, đề ngày 09/7/2021 về việc Công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động) với chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên tài liệu mẫu so sánh (Biên bản làm việc thu thập mẫu chữ ký của Trần Tiến D2, đề ngày 01/01/2024) là do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Tiến D2, Trịnh Tuấn D trên các tài liệu cần giám định (Quyết định số 3233 đề ngày 25/01/2022; Quyết định số 1780, đề ngày 09/7/2021 và Quyết định số 2114, đề ngày 29/9/2021 về việc Công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động) với chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên mẫu so sánh (Biên bản làm việc thu thập mẫu chữ ký của Trần Tiến D2, đề ngày 01/01/2024) có phải do cùng một người ký ra hay không. Các hình dấu tròn đỏ trên “THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG” đứng tên Và A L5, đề ngày 25/01/2022; Lò Văn Th5, Tòng Văn H6, Giàng Chỉ N3, Ly A P, Lò Văn V1; Lò Văn Th6, Tòng Thị Th7, Nguyễn Quang A10, Tòng Văn Ch9, Bùi Thanh H9, Quàng Văn K3, đề ngày 18/3/2022 với hình dấu đóng ra từ con dấu tròn in nội dung “CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ

THƯỜNG MẠI VÀ DỊCH VỤ W là do cùng một con dấu đóng ra. Không đủ cơ sở kết luận các hình dấu tròn đỏ trên “THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG” đứng tên Lương Văn Đ8, đề ngày 20/9/2023 với hình dấu đóng ra từ con dấu tròn in nội dung “CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯỜNG MẠI VÀ DỊCH VỤ W”, có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không.

* Ngày 16/01/2021 Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định số 93/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Điện Biên giám định chữ ký trên tài liệu và vị trí khuyết ô khu vực chữ ký trên tài liệu khám xét tại nhà Đỗ Quang T và trụ sở Công ty W.

Tại Kết luận giám định số 248/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Vị trí chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên các tài liệu cần giám định (Quyết định số 3492, 3493, 3494, 3495, 3496, đề ngày 18/3/2022; Quyết định số 1504, đề ngày 09/7/2021 về việc Công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động) phù hợp với vị trí khuyết giấy trên các tài Liệu mẫu so sánh (Quyết định về việc công nhận kết quả huấn luyện cho các học viên tham dự khóa huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động số: 89/QĐ-TC8-HN ngày ngày 08/03/2021, phần giấy dưới vị trí mục KT GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC bị khuyết mất giấy và Quyết định về việc Công nhận kết quả huấn luyện cho các học viên tham dự khóa huấn luyện An toàn vệ sinh lao động số 16: 089/QĐ-TC8-HN đề ngày 8/3/2021, phần giấy dưới vị trí dưới mục TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN & TIÊU CHUẨN X” bị khuyết mất giấy).

* Ngày 11/6/2024. Cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra Quyết định trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Điện Biên giám định đối với chữ ký, con dấu tại các tài liệu thu thập từ Công ty CP Nội thất và Thiết bị Kỹ thuật S1.

Tại Kết luận giám định số 1150 ngày 18/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:

- Hình dấu tròn đỏ trên tài liệu cần giám định: “01 (một) Quyết định về việc công nhận kết quả huấn luyện cho các học viên tham dự khóa huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động số 964/QĐ-TC8-HN đề ngày 12/04/2021 của Trung tâm kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X” ký hiệu A1, với hình dấu đóng ra từ con dấu mẫu so sánh “01 (một) con dấu tròn nhãn hiệu Shing Printer S-538, in nội dung “TRUNG TÂM KỸ THUẬT - AN TOÀN & TIÊU CHUẨN X”, ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn đỏ tại mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên tài liệu cần giám định: “01 (một) Hợp đồng kinh tế về việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 0405/2021/HĐDV/NTKTHN-TT8 đề ngày 01/4/2021 giữa Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 và Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X” ký hiệu A2, với hình dấu đóng ra từ con dấu mẫu so sánh “01 (một) con dấu tròn nhãn hiệu Shing Printer S-538, in nội dung TRUNG TÂM KỸ THUẬT - AN TOÀN & TIÊU CHUẨN X” ký hiệu M1, có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không. Chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên tài liệu cần giám định: “01 (một) Quyết định về việc công nhận kết quả huấn luyện

cho các học viên tham dự khóa huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động số 964/QĐ-TC8-HN ngày 12/04/2021 của Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X”, ký hiệu A1 với chữ ký đứng trên Trần Tiến D2 trên tài liệu mẫu so sánh: “01 (một) BIÊN BẢN LÀM VIỆC về nội dung thu thập mẫu chữ ký của Trần Tiến D2, đề ngày 01/01/2024” ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng tên Vũ Việt H trên tài liệu cần giám định: “01 (một) Hợp đồng kinh tế về việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 0405/2021/HDDV/NTKTHN-TT8 giữa Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 và Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X” ký hiệu A2 với chữ ký đứng tên Vũ Việt H trên tài liệu mẫu so sánh: “01 (một) BIÊN BẢN LÀM VIỆC về nội dung Xác minh, thu thập chữ ký của Vũ Việt H - Phó giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận & Giám định Quốc tế P2, đề ngày 01/01/2024”, ký hiệu M3 là do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng tên Đào Thị Thu H10 trên các tài liệu cần giám định: “01 (một) Hợp đồng kinh tế về việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 0405/2021/HDDV/NTKTHN-TT8 giữa Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 và Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X” ký hiệu A2 và trên “20 (Hai mươi) THẺ AN TOÀN LAO ĐỘNG cấp ngày 09/4/2021”, ký hiệu từ A3 đến A22 với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh: “01 (một) BIÊN BẢN LÀM VIỆC về nội dung xác minh, thu thập chữ ký, con dấu của Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1, đề ngày 04/6/2024”, ký hiệu M4 là do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn đỏ dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên tài liệu mẫu cần giám định: “01 (một) Hợp đồng kinh tế về việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 0405/2021/HDDV/NTKTHN-TT8 giữa Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 và Trung tâm Kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X” ký hiệu A2 với hình dấu tròn đỏ đề của Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 trên tài liệu mẫu so sánh: “01 (một) BIÊN BẢN LÀM VIỆC về nội dung xác minh, thu thập chữ ký, con dấu của Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1, đề ngày 04/6/2024”, ký hiệu M4 có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không. Chữ ký đứng tên Trần Tiến D2 trên tài liệu cần giám định “01 (một) Quyết định về việc công nhận kết quả huấn luyện cho các học viên tham dự khóa huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động số 964/QĐ-TC8-HN ngày 12/04/2021 của Trung tâm kỹ thuật - An toàn & Tiêu chuẩn X” ký hiệu A1 phù hợp với vị trí khuyết giấy trên tài liệu mẫu so sánh: “01 (một) Quyết định về việc công nhận kết quả huấn luyện cho các học viên tham dự khóa huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động số: 089/QĐ-TC8-HN đề ngày 08/03/2021, phần giấy dưới vị trí mục KT.GIÁM ĐỐC. PHÓ GIÁM ĐỐC” bị khuyết mất giấy” ký hiệu M5.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 359, điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Vũ Việt H.
- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 359, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Quang T.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 359, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Tuấn D.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Đ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Việt D1.

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Vũ Việt H; Đỗ Quang T; Trịnh Tuấn D phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

- Các bị cáo Trần Văn Đ; Nguyễn Việt D1 phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vũ Việt H 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 09/01/2024).

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Tuấn D 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/12/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần hình phạt của các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Việt D1; phần xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, người tham gia tố tụng.

Sau khi tuyên án, ngày 06/01/2025 bị cáo Vũ Việt H có đơn kháng cáo; ngày 08/01/2025 bị cáo Đỗ Quang T có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên, với nội dung: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T giữ nguyên kháng cáo và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên duy trì quyền công tố xét thấy nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận về việc giảm hình phạt tù cho 02 bị cáo có kháng cáo Vũ Việt H và Đỗ Quang T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Sửa Bản án sơ thẩm số

63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q theo hướng: Áp dụng điều khoản của Bộ luật Hình sự về tội nhẹ hơn, các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Việt H từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Quang T từ 4 năm đến 04 năm 6 tháng tù.

Các bị cáo H, T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Không xem xét các vấn đề khác của bản án khi không có kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q nên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có mặt tại phiên tòa; các bị cáo Trịnh Tuấn D, Trần Văn Đ, Nguyễn Việt D1 tuy không kháng cáo nhưng do hành vi phạm tội của các bị cáo có liên quan đến các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T là những bị cáo có kháng cáo, nên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã triệu tập các bị cáo đến phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Tuấn D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Việt D1 vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt các bị cáo Trịnh Tuấn D, Nguyễn Việt D1.

[2] Về thủ tục kháng cáo: Do không đồng ý với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên, ngày 06/01/2025 bị cáo Vũ Việt H đã làm đơn kháng cáo; ngày 08/01/2025 bị cáo Đỗ Quang T đã làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo đã làm đơn trong hạn luật định nên được coi là hợp lệ.

[3] Về tội danh của các bị cáo:

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát; lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 20/02/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty Cổ phần Chứng nhận & Giám định Quốc tế P2, đăng ký hoạt động chính tại số Số 350/1/2Z2, phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Trà M8. Trịnh Tuấn D là Tổng giám đốc; Phó giám đốc là Vũ Việt H. Đến ngày

08/11/2022, Công ty P2 thay đổi tên người đại diện theo pháp luật là Trịnh Tuấn D. Công ty P2 thành lập 04 chi nhánh trong đó có 01 Chi nhánh là Trung tâm Kỹ thuật - An toàn và Tiêu chuẩn X; do bị cáo Trịnh Tuấn D là Giám đốc. Trung tâm X hoạt động chính trong lĩnh vực đào tạo huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động. Đến ngày 24/12/2020, Trung tâm X được Bộ Lao động thương binh và xã hội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 96/2020/GCN có thời hạn đến ngày 24/12/2025 theo Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận số 1598/QĐ- LĐTBXH, ngày 24/12/2020 của Cục trưởng Cục An toàn lao động - Bộ Lao động thương binh và xã hội. Sau khi thành lập Trung tâm X, bị cáo Trịnh Tuấn D bổ nhiệm bị cáo Vũ Việt H và bị cáo Đỗ Quang T là Phó giám đốc. Quá trình thực hiện các thủ tục thành lập công ty và bổ nhiệm các chức vụ trong công ty đúng quy định.

Trong thời gian đầu công ty thực hiện việc đào tạo huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo đúng quy định. Đến khoảng tháng 2/2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 không thể tiến hành đào tạo tập trung nên có một số khách hàng đã liên hệ với bị cáo Trịnh Tuấn D về việc có nhu cầu muốn cấp nhanh Quyết định công nhận kết quả huấn luyện, thẻ ATLĐ cho người lao động nên bị cáo Trịnh Tuấn D nghĩ rằng có thể cấp nhanh trước và đào tạo sau nên vào khoảng tháng 2/2021, bị cáo Trịnh Tuấn D đã trao đổi với bị cáo H và bị cáo T nếu khách hàng muốn cấp nhanh Quyết định, thẻ ATLĐ không qua đào tạo, huấn luyện thì sẽ cấp các nhanh hoặc sẽ đào tạo sau, mức giá cấp nhanh sẽ tùy theo mối quan hệ với khách hàng. Khoảng tháng 3/2021, bị cáo T và bị cáo Trịnh Tuấn D đã thống nhất tìm thêm một người để ký các Quyết định, thẻ ATLĐ của Trung tâm X. Bị cáo T tìm được Trần Tiến D, rồi trao đổi với bị cáo Trịnh Tuấn D để bị cáo D ký quyết định bổ nhiệm Phó giám đốc trung tâm X đối với Trần Tiến D2. Trịnh Tuấn D yêu cầu T và H phải báo lại đầy đủ những khách hàng đã liên hệ cấp thẻ, dù có qua huấn luyện hay không để D cân đối việc thu chi. Nếu cấp không thẻ ATLĐ cho khách hàng mà yêu cầu xuất hóa đơn thì phải chuyển tiền về công ty, nếu khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn thì phải báo cáo số lượng thẻ ATLĐ đã cấp, chi phí thu được để Trịnh Tuấn D nắm. T là người gọi điện thoại trao đổi với Trịnh Tuấn D về hoạt động của Trung tâm X ngoài Bắc. H và T thống nhất thỏa thuận giá cho việc cấp nhanh các quyết định là 60.000 - 80.000 đồng trên 1 người thuộc nhóm 3; từ 80.000 - 100.000 đồng trên 1 người thuộc nhóm 1, 2, 5, 6; khoảng 60.000 đồng/01 người lao động thuộc nhóm 4. T có yêu cầu H báo cáo cho T nên H báo cáo thường xuyên số lượng phôi thẻ đã cấp cho khách hàng, số tiền thu được qua zalo cho T để T nắm hàng ngày và tổng hợp báo cáo.

Lần 1: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021, Vũ Việt H, Đỗ Quang T và Trịnh Tuấn D không tổ chức mở lớp huấn luyện ATVSLĐ cho công nhân theo đúng quy định, mà đã làm giả 01 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ số 964/QĐ-TC8-HN ngày 12/4/2021 và 20 thẻ ATLĐ để cấp không cho 20 công nhân của Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1 thu lợi số tiền 4.000.000 đồng.

Lần 2: Trong khoảng tháng 8/2021 đến tháng 7/2021, Nguyễn Việt D1, Trần Văn Đ đã nhờ Trần Thị Hoài Th3 liên lạc với Vũ Việt H, Đỗ Quang T để làm giả 03 Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 1504/QĐ-TC8-HN; Quyết định số 1780/QĐ-TC8-HN ngày 09/7/2021; Quyết định số 2114/QĐ-TC8-HN và 05 thẻ ATLĐ để cấp không cho 05 người lao động của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ W.

Lần 3: Vào tháng 01/2022, Nguyễn Việt D1 và Trần Văn Đ tiếp tục gửi thông tin cho Trần Thị Hoài Th3 để liên lạc với Vũ Việt H và Đỗ Quang T làm giả 01 Quyết định về việc công nhận kết quả học tập của học viên tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ số 3233/QĐ-TC8-HN ngày 25/01/2022 và 02 thẻ ATLĐ cho 02 công nhân của Công ty W.

Lần 4: Vào tháng 3/2022, Nguyễn Việt D1, Trần Văn Đ tiếp tục gửi thông tin cho Trần Thị Hoài Th3 để liên lạc với Vũ Việt H, Đỗ Quang T làm giả 05 Quyết định số 3492, 3493, 3494, 3495, 3496/QĐ-TC8-HN ngày 18/3/2022 và 11 thẻ ATLĐ cho 11 công nhân của Công ty W.

Việc Đỗ Quang T, Vũ Việt H làm giả 09 Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ và 17 thẻ ATLĐ để cấp cho 17 công nhân của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ W; do không xuất hóa đơn cho Công ty W nên H và T không báo, không trao đổi cho Trịnh Tuấn D biết để nắm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Các bị cáo Trịnh Tuấn D, Vũ Việt H, Đỗ Quang T đã làm giả các Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ và Thẻ ATLĐ để cấp cho các khách hàng khi muốn có nhanh các Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ và Thẻ ATLĐ mà không cần phải tham gia lớp huấn luyện ATVSLĐ theo đúng quy định của pháp luật. Từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021 các bị cáo Trịnh Tuấn D, Vũ Việt H, Đỗ Quang T cấp không 01 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ cho 20 công nhân của Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật S1; khoảng tháng 8/2021 đến tháng 3/2022 các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T đã cấp không 09 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ cho 17 công nhân của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ W. Hành vi của các bị cáo Trịnh Tuấn D, Vũ Việt H, Đỗ Quang T là trái quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên tuyên bố các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” theo Điều 359 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bản án hình sự sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” là không đúng với tính chất, mức độ mà hành vi của các bị cáo gây ra. Vì theo Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng, thì hành vi của các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng thì các bị cáo Vũ Việt

H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D làm tại Công ty Cổ phần chứng nhận & giám định Quốc tế P2 là doanh nghiệp trong khu vực ngoài Nhà nước. Do đó, hành vi của các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D cấp nhanh các Quyết định Công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ và thẻ ATLĐ cho hai Công ty nói trên không qua lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động không đúng quy định là hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Qua phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng có đủ căn cứ pháp lý để kết luận hành vi của các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D đã phạm vào tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Xét thấy tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự nhẹ hơn tội “*Giả mạo trong công tác*” định tại Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, để đảm bảo tính nhân văn, tính nhân đạo, phù với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; đảm bảo chính sách hình sự, xét xử đúng người, đúng tội, không xét xử oan người không phạm tội, không bỏ lọt tội phạm, khi xét xử phúc thẩm không làm bất lợi cho các bị cáo.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chuyển tội danh và xét xử các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung: Do các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T đã làm giả 10 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ và 37 thẻ ATLĐ nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trịnh Tuấn D đã làm giả 01 Quyết định công nhận kết quả huấn luyện ATVSLĐ và 20 thẻ ATLĐ nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D là người thực hành tích cực

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, do vậy cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[4] Về việc các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Vũ Việt H được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo tặng Bằng khen về giải

thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2009” và được Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập P4 tặng Giấy khen đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào nghiên cứu khoa học năm 2009; ngoài ra bị cáo H còn tự nguyện nộp lại 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Quang T đã tự nguyện nộp lại 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Qua quá trình thẩm tra xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm và trong hồ sơ vụ án thể hiện, gia đình bị cáo Vũ Việt H có ông Vũ Văn Ch4 (ông nội bị cáo) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì và bà Nguyễn Thị Th1 (mẹ bị cáo) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Vũ Việt H.

Các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để các bị cáo có điều kiện làm ăn sinh sống, học tập trong môi trường xã hội.

[5] Đối với bị cáo Trịnh Tuấn D tuy không kháng cáo, không bị kháng nghị, phần bản án liên quan đến bị cáo đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần thiết phải xem xét và sửa phần tội danh cũng như hình phạt đối với bị cáo Trịnh Tuấn D, việc sửa bản án này đối với bị cáo không làm bất lợi cho bị cáo. Hành vi của bị cáo phạm vào tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trịnh Tuấn D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo còn tự nguyện nộp lại 2.000.000 đồng

tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T.

Xét nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang T. Người bào chữa nhất trí đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên về việc chuyển tội danh cho bị cáo T; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ mà hành vi của bị cáo T gây ra và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đỗ Quang T.

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 341 Bộ luật Hình sự: Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên (*phần tội danh và hình phạt liên quan đến các bị cáo Vũ Việt H và bị cáo Đỗ Quang T*). Tuyên bố các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Việt H; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Quang T. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Việt H và bị cáo Đỗ Quang T.

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 341 Bộ luật Hình sự: Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên (*phần tội danh và hình phạt liên quan đến bị cáo Trịnh Tuấn D*). Tuyên bố bị cáo Trịnh Tuấn D phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Tuấn D.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, việc điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo Vũ Việt H và Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D tại cấp sơ thẩm là chưa đúng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[7] Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Việt D1 không kháng cáo, phần bản án liên quan đến các bị cáo đã có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không sửa, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T được chấp nhận và do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ nên sửa phần bản án liên quan đến bị cáo Trịnh Tuấn D, bị cáo Trịnh Tuấn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Điện Biên.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T, Trịnh Tuấn D phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

3. Về hình phạt:

3.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Việt H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/4/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V1, quận V2, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường V1, quận V2, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Vũ Việt H ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Vũ Việt H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Vũ Việt H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Vũ Việt H hưởng án treo.

3.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/4/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, quận L, Thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường phường C, quận L, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Đỗ Quang T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Đỗ Quang T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Đỗ Quang T hưởng án treo.

3.3. Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Tuấn D 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trịnh Tuấn D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Trịnh Tuấn D phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Trịnh Tuấn D hưởng án treo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Vũ Việt H, Đỗ Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2025).

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS H. Điện Biên, T. Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương